

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HS-PT

Ngày: 18-3-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các thẩm phán: Bà Hoàng Ngọc Liễu

Ông Vũ Văn Túc

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hường - Thư ký TAND tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Đức Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 03/2025/TLPT-HS ngày 21 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo Bùi Văn T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2024/HS-ST ngày 06/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình.

Bị cáo có kháng cáo và không bị kháng nghị:

Bùi Văn T, sinh ngày 06 tháng 10 năm 1989;

Nơi cư trú: xóm Nước Mọc, xã Nánh Nghê, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: công chức; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H, sinh năm 1969 và bà Bùi Thị L, sinh năm 1968; có vợ là Xa Thị T, sinh năm 1990 và có 01 con sinh năm 2013; T án, T sự: Không.

Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Ngày 23/5/2024, đã bị Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Đà Bắc ra Quyết định số 145-QĐ/UBKTHU Đình chỉ sinh hoạt Đảng.

Bị cáo bị tạm giam từ 22/5/2024 đến ngày 13/6/2024; hiện bị cáo đang bị cầm đi khỏi nơi cư trú, “có mặt”.

Ngoài ra còn có bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn T sinh ngày 06/10/1989, là Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường xã Tân Pheo, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình kể từ ngày 01/12/2020 đến nay. Trong quá trình công tác từ tháng 01/2021 đến tháng 03/2024, T đã tiếp nhận 05 hồ sơ, nhận T của 06 hộ dân trên địa bàn xã Tân Pheo có nhu cầu trích đo, cấp đổi, cấp mới, tách thửa, sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

1. Lần thứ nhất, tháng 03/2021 T thấy hồ sơ của chị Hà Thị D, sinh năm 1984, trú tại xóm Phồn, xã Tân Pheo, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình đã được cấp mảnh trích đo, tuy nhiên do sai sót nên Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đà Bắc trả lại hồ sơ, T đã mời chị D đến phòng làm việc, quá trình trao đổi, T và chị Dung đã thỏa thuận để T làm hồ sơ và thu các khoản lệ phí từ chị D. T đã yêu cầu chị D nộp tổng số T 1.500.000 đồng gồm các khoản chi phí đi lại, lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị Dung đồng ý, sau đó T đã nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Đà Bắc, tuy nhiên, do có sai sót, cán bộ tiếp nhận đã trả lại hồ sơ cho T. Đến năm 2022 và 2024, T có tự thiết lập thêm 02 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Hà Thị Dung nhưng không nộp hồ sơ mà để tại cơ quan. Với số T chị Dung nộp T không trả lại và đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

2. Lần thứ hai, tháng 08/2021, do có mối quan hệ quen biết với bị cáo T, chị Đinh Thị Huyền, sinh năm 1988, trú tại xóm Phồn, xã Tân Pheo, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình đã liên hệ gặp gỡ và nhờ T giúp đỡ để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với mảnh đất có diện tích khoảng 100m². Quá trình gặp gỡ thỏa thuận, T và chị H đã thống nhất T sẽ làm hồ sơ và nộp hồ sơ, mọi chi phí, lệ phí chị Huyền sẽ chịu trách nhiệm. T đã yêu cầu chị Huyền nộp 04 lần với tổng số T 30.935.000 đồng với các lý do như chi phí cho đoàn trích đo, lệ phí, chi phí cấp trích đo, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, c H đồng ý và chuyển T. Tuy nhiên, sau đó bị cáo đã không hoàn thiện hồ sơ, không nộp hồ sơ cho chị Huyền, không nộp lệ phí theo quy định. Đối với toàn bộ số T 30.935.000 đồng T không trả lại và đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

3. Lần thứ ba, quá trình sinh sống, bố mẹ của anh An và anh Dương để lại mảnh đất trồng cây lâu năm có diện tích 3553m², do có mối quan hệ đồng nghiệp với T, anh An đã nhờ T giúp đỡ làm các thủ tục, hồ sơ đối với mảnh đất trên. Đến khoảng tháng 9/2021, sau khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành trích đo xong, T đã yêu cầu anh Hà Văn Đ và anh Lương Văn T nộp lệ phí trích đo với tổng số T mỗi người là 4.000.000 đồng. Tuy nhiên, T không nộp hồ sơ cho anh An, không nộp lệ

phí theo quy định, đối với toàn bộ số T 8.000.000đ (Tám triệu đồng) T không trả lại và đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

4. Lần thứ tư, bị cáo T được biết hộ gia đình anh Lường Văn Ph, sinh năm 1985 tại xóm Ch, xã Tân Pheo, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình đã được đo đạc thửa đất có diện tích 335,1m² nhưng chưa có mảnh trích đo, T đã mời anh Ph đến phòng làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Tân Pheo và yêu cầu nộp lệ phí đo đạc là 2.462.000 đồng, anh Phong đã nộp số T trên cho T. Đến ngày 29/3/2022, T nộp hồ sơ yêu cầu trích đo cho anh Ph và nộp lệ phí tạm ứng theo quy định là 739.000 đồng. Đến tháng 4/2022, T được Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đà Bắc thông báo kết quả trích đo đối với thửa đất anh Lường Văn Phong là thửa đất theo quy hoạch giai đoạn 2020 - 2030 là đất lúa, do đó, không được cấp mảnh trích đo. T cũng đã thông báo lại cho Lường Văn Phong được biết. Tuy nhiên, số T còn lại là 1.723.000 đồng (Một triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng) T đã không trả lại mà sử dụng để chi tiêu cá nhân hết.

5. Lần thứ năm, anh Lường Văn N, sinh năm 1993, trú tại xóm Phôn, xã Tân Pheo, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình mua mảnh đất có diện tích 400m² và có nhu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Ngày 12/01/2022, anh Ngọc đã đến gặp và làm việc với T tại phòng làm việc. Quá trình làm việc, T đã hướng dẫn N làm hồ sơ yêu cầu trích đo và nộp cho T, đồng thời yêu cầu anh Ngọc nộp số T lệ phí trích đo là 2.800.000 đồng. Sau khi nhận T và hồ sơ, ngày 29/03/2022, T đã nộp hồ sơ đề nghị trích đo và T tạm ứng 739.000 đồng theo quy định tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Đà Bắc, sau khi nộp, số T còn lại là 2.061.000 đồng. Đến tháng 04/2022, T được thông báo hồ sơ của anh Ngọc không đủ điều kiện thực hiện vì lý do chưa xác định được ranh giới, mốc giới để tách thửa và bị trả lại hồ sơ. Sau khi nắm được thông tin, T đã không hướng dẫn anh Ngọc khắc phục lại hồ sơ, đối với số T 2.061.000 đồng T không trả lại và đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Như vậy, trong quá trình công tác từ tháng 01/2021 đến tháng 03/2024, T đã có hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn thu tổng số T 45.697.000 đồng của các cá nhân và hộ dân tại xã Tân Pheo, huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình sau đó chiếm đoạt 44.219.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 23/2024/HS-ST ngày 06/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ Bc, tỉnh H B quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 355, Điều 38, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 106, 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 30 (ba mươi tháng tù), thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ 23 (hai mươi ba) ngày tạm giam.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12 tháng 12 năm 2024, bị cáo Bùi Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thời hạn kháng cáo và thủ tục thực hiện quyền kháng cáo của bị cáo đã thực hiện trong thời hạn và đúng hình thức theo quy định.

Về nội dung kháng cáo: Cấp sơ thẩm đã xem xét toàn bộ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo để xét xử bị cáo Bùi Văn T mức hình phạt 30 (ba mươi) tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2, điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 1 điều 355, điểm c, khoản 1, điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Bùi Văn T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cụ thể:

Bị cáo Bùi Văn T là Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường xã Tân Pheo, trong quá trình công tác từ tháng 01/2021 đến tháng 03/2024 bị cáo đã 05 lần lạm dụng chức vụ, quyền hạn của mình, lợi dụng sự thiếu hiểu biết về pháp luật của người dân đối với các thủ tục hành chính đất đai để nhận làm hồ sơ, nộp hồ sơ và thu các khoản lệ phí không đúng quy định số T là 44.219.000 đồng của 06 hộ dân và cá nhân, nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản vì tư lợi cá nhân sau đó sử dụng chi tiêu hết.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Bùi Văn T về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Văn T:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tích cực bồi thường cho các bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo 30 tháng tù là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm các tài liệu mới như: Bị cáo có ông nội là Bùi Văn Ch được nhà nước tặng Huân chương kháng chiến và ông Bùi Văn Th tham gia kháng chiến được nhà nước tặng Huân chương chiến công giải phóng hạng ba, ông Thợ là liệt sỹ; bố bị cáo là Bùi Văn Hồng và vợ bị cáo là Xa Thị T quá trình công tác được tặng nhiều giấy khen, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, phụng dưỡng bố mẹ già, con còn nhỏ... Đây là các tình tiết mới quy định tại điểm b, khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Do vậy có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí: Bị cáo Bùi Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 355, khoản 1, Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Văn T; sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2024/HS-ST ngày 06/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình giảm hình phạt cho bị cáo, cụ thể:

- Về tội danh: Bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 355, Điều 38, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Bùi Văn T 16 (mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ 22/5/2024 đến ngày 13/6/2024.

2. Về án phí: Bị cáo Bùi Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (18/3/2025).

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Đà Bắc;
- TAND huyện Đà Bắc;
- Chi cục THADS huyện Đà Bắc;
- Huyện uỷ Đà Bắc;
- Bị cáo;
- Lưu TH; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh Tùng